

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Nam An
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 79/UBCK-GP
- Vốn điều lệ: 140.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 140.000.000.000
- Địa chỉ: 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
- Số điện thoại: (08) 3915 1188
- Số Fax: (08) 3915 2888
- Website: www.namansecurities.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): không

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành: công ty được thành lập ngày 18/12/2007
- Các sự kiện khác: không

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư tài chính
- Địa bàn kinh doanh: 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Phòng ban nghiệp vụ theo chức năng hoạt động đã đăng ký.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 2005, Luật chứng khoán, các văn bản hướng dẫn liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty là cơ sở chi phối cho mọi hoạt động của Công ty.

Hội đồng cổ đông: quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty.

Hội đồng quản trị: quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định.

Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát: Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban điều hành: Do HĐQT bổ nhiệm gồm có một Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: duy trì hoạt động hiện có
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: duy trì nghiệp vụ môi giới, ưu tiên thị trường trong nước.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

6. Các rủi ro

- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tác nghiệp

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu thuần	2,204,962,651	2,967,353,161
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(2,296,612,005)	(664,760,449)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: tình hình thị trường không thuận lợi và sự thiếu chính xác trong chính sách hoạt động của công ty nên lợi nhuận không đạt được theo kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Tỷ lệ nắm giữ/vốn điều lệ	Ghi chú
1	Huỳnh Kim Thông	7.14 %	CT.HĐQT - Đại diện theo pháp luật
2	Trần Hồng Văn	28.4 %	Phó Tổng giám đốc

- Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: tổng số nhân viên là 15 người, chính sách lao động theo đúng luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể; không có thay đổi phát sinh trong năm 2013.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	69.360.821.516	69.297.255.666	-0.092%
Doanh thu thuần	2.204.962.651	2.967.353.161	34.57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-664.882.130	-2.298.44.240	N/A
Lợi nhuận khác	61.631	1.834.235	-96.6%
Lợi nhuận trước thuế	-664.882.130	-2.298.44.240	N/A
Lợi nhuận sau thuế	-664.882.130	-2.298.44.240	N/A
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<p><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:</p> <p> TSLĐ/Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh:</p> <p> TSLĐ - Hàng tồn kho</p> <p> Nợ ngắn hạn</p>	<p>125.04</p> <p>119.64</p>	<p>59.18</p> <p>58.36</p>	<p>lần</p> <p>lần</p>
<p><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</p>	<p>0.0077</p> <p>0.0078</p>	<p>0.0164</p> <p>0.0167</p>	<p>lần</p> <p>lần</p>
<p><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho:</p> <p> Giá vốn hàng bán</p> <p> Hàng tồn kho bình quân</p> <p>+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản</p>	<p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>0.0428</p>	<p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>0.0318</p>	<p>lần</p>
<p><i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</p> <p>.....</p>	<p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>N/A</p>	<p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>N/A</p> <p>N/A</p>	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chi tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- <i>Vốn điều lệ</i>			
- <i>Tổng tài sản có</i>			
- <i>Tỷ lệ an toàn vốn</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- <i>Doanh số huy động tiền gửi</i>			
- <i>Doanh số cho vay</i>			
- <i>Doanh số thu nợ</i>			
- <i>Nợ quá hạn</i>			
- <i>Nợ khó đòi</i>			
- <i>Hệ số sử dụng vốn</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ</i>			
3. Khả năng thanh khoản			
- <i>Khả năng thanh toán ngay</i>			
- <i>Khả năng thanh toán chung</i>			

5. Cơ cấu cổ đôn, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: 14.000.000 cổ phần phổ thông do các nhà đầu tư trong nước làm chủ sở hữu.
- b) Cơ cấu cổ đôn: 99% cổ đôn lớn (sở hữu từ 5%) và 1% cổ đôn nhỏ.
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- e) Các chứng khoán khác: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: Do công ty có chủ trương chú trọng vào kế hoạch phát triển dài hạn nên trong ngắn hạn trước mắt công ty tạm thời duy trì hoạt động hiện có và chờ cơ hội.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: không có

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) *Tình hình nợ phải trả*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: không có
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: đang hoàn thiện*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

I. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty*

- 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: bình thường*
- 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: đúng định hướng của Hội Đồng Quản Trị.*
- 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: đang hoàn thiện*

II. **Quản trị công ty** (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- 1. Bà Huỳnh Kim Thông – Chủ tịch HĐQT

2. Bà Huỳnh Kim Tới – Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)
3. Ông Nguyễn Văn Đức – Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

Ti lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Vốn góp/ĐL (140 tỷ)
1	Bà Huỳnh Kim Thông – Chủ tịch HĐQT	1.000.000	7.14%
2	Ông Trần Hồng Văn	3.975.000	28.4%
3	Bà Huỳnh Kim Tới – Thành viên	1.190.000	8.5%
4	Ông Nguyễn Văn Đức – Thành Viên	1.050.000	7.5%

Ti lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác: không có

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): không có
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp: hoạt động bình thường
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: bình thường
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): không có tiểu ban
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

1. Nguyễn Thị Tuyết Vân – Trưởng ban
2. Phạm Thị Hóa – Thành viên (Thành viên độc lập không điều hành)
3. Bà Huỳnh Thị Thanh Giang – Thành viên (Thành viên độc lập không điều hành)

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp): bình thường

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ): theo tình hình kinh doanh thực tế của công ty. Ngoại trừ các bộ quản lý, hưởng lương theo luật lao động hiện thời.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): tuân thủ đúng quy định, pháp luật hiện hành.

III. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp

nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Kim Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Huỳnh Kim Thông	Chủ tịch
Bà Huỳnh Kim Tới	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hóa	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Giang	Thành viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần/(Lỗ) sau thuế	(664.760.499)	(2.296.612.005)
Lợi nhuận/(Lỗ) để lại cuối kỳ	(664.760.499)	(2.296.612.005)
Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ	(71.840.748.925)	(71.175.988.426)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- *Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huỳnh Kim Thông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 11 tháng 03 năm 2014

Số: 182c/HDKT2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nam An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An, được lập ngày 03/03/2014, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Nam An tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẬT

Giám Đốc



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Nhân Bào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0413-2013-088-1

Kiểm toán viên

Phan Thị Thủy Tiên

Phan Thị Thủy Tiên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0360-2013-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		67.351.969.016	67.122.255.525
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	66.414.332.024	64.222.872.916
1. Tiền	111		66.414.332.024	2.722.872.916
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	61.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	876.840.600	2.277.483.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		876.840.600	2.611.354.145
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(333.870.545)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.3	29.664.369	557.654.071
1. Phải thu khách hàng	131		-	510.005.806
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	47.648.265
5. Các khoản phải thu khác	138		29.664.369	-
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.132.023	64.244.938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.890.514	64.003.479
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.241.509	241.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.945.286.650	2.238.565.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.589.819.249	1.903.098.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	1.152.770.361	1.301.216.368
- Nguyên giá	222		5.481.286.470	5.400.506.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.328.516.109)	(4.099.290.102)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	417.048.888	601.882.222
- Nguyên giá	228		1.647.556.000	1.647.556.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.230.507.112)	(1.045.673.778)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		20.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		355.467.401	335.467.401
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		20.000.000	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	4.6	182.593.401	182.593.401
4. Tài sản dài hạn khác	268	4.7	152.874.000	152.874.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		69.297.255.666	69.360.821.516

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.138.004.591	536.809.942
I. Nợ ngắn hạn	310	4.8	1.138.004.591	536.809.942
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		158.000.000	158.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		686.680.860	55.637.710
5. Phải trả người lao động	315		-	2.700.000
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		242.842.699	278.117.133
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	42.355.099
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		50.481.032	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		68.159.251.075	68.824.011.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.9	68.159.251.075	68.824.011.574
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.000.000.000	140.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(71.840.748.925)	(71.175.988.426)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		69.297.255.666	69.360.821.516

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**


Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		3.593.218.100	3.816.523.200
6.1 Chứng khoán giao dịch		3.405.934.100	3.713.171.200
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		187.284.000	877.536.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-


Nguyễn Phúc Nguyễn


Nguyễn Phúc Nguyễn




Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 03 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	5.1	2.967.353.161	2.204.962.651
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		73.898.305	74.570.214
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		708.282.100	771.407.000
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.100.000.000	1.200.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		85.172.756	158.985.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		2.967.353.161	2.204.962.651
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	5.2	443.140.657	1.265.949.358
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		2.524.212.504	939.013.293
6. Chi phí quản lý	25	5.3	3.189.034.634	3.237.459.533
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(664.822.130)	(2.298.446.240)
8. Thu nhập khác	31		61.631	1.834.235
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		61.631	1.834.235
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(664.760.499)	(2.296.612.005)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(664.760.499)	(2.296.612.005)



Nguyễn Phúc Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 03 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**MẪU SỐ B 03-CTCK**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(664.760.499)	(2.296.612.005)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		414.059.341	446.890.386
Các khoản dự phòng	03		(333.870.545)	328.259.600
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(584.571.703)	(1.521.462.019)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		517.989.652	(65.996.901)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		601.194.649	(359.750.379)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		23.112.965	63.078.013
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.183.541
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		557.725.563	(1.874.947.745)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.780.000)	(1.666.501.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		1.734.513.545	(13.870.946.300)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	11.270.974.300
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.633.733.545	(4.266.473.100)

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thủ từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2.600.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.600.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.191.459.108	(6.141.420.845)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		64.222.872.916	70.364.293.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		66.414.332.024	64.222.872.916

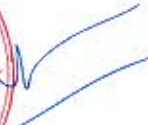

Nguyễn Phúc Nguyễn

Người lập biểu


Nguyễn Phúc Nguyễn

Kế toán trưởng




Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 03 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước 01/01/2012	Năm nay 01/01/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012		Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013		Năm trước 31/12/2012	Năm nay 31/12/2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
<i>Trong đó</i>									
- Số lượng cổ phiếu phát hành		14.000.000	14.000.000	-	-	-	-	14.000.000	14.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành		10.000	10.000	-	-	-	-	10.000	10.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(68.879.376.421)	(71.175.988.426)	-	(2.296.612.005)	-	(664.760.499)	(71.175.988.426)	(71.840.748.925)
Cộng		71.998.665.315	68.824.011.574	-	(2.296.612.005)	-	(664.760.499)	68.824.011.574	68.159.251.075

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (NASC) được thành lập theo Quyết định số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các quyết định về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi cổ đông sáng lập tại Quyết định số 315/UBCK-GP ngày 31/03/2010 và Quyết định số 272/UBCK-GP ngày 04/11/2009.

Trụ sở chính đặt tại 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

Vốn pháp định : 135.000.000.000 VND

Vốn điều lệ : 140.000.000.000 VND

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

Thay đổi so với năm trước

Tài sản cố định được phân loại tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Theo đó những tài sản nào không đủ điều kiện về giá trị sẽ được phân loại vào chi phí trả trước với thời gian phân bổ không quá 03 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm :

Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán, Website, trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian trích khấu hao từ 03 – 05 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 293/9 đường Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8.

3.6 Các khoản đầu tư chứng khoán và Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán .

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2013.

3.7 Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản vật dụng văn phòng, chi phí kết nối, chi phí sửa chữa văn phòng .Các khoản chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ từ 02 tháng đến 36 tháng

3.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.9 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.11 Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	654.226.359	2.278.007.001
Tiền gửi ngân hàng	72.915.118	202.640.712
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	349.190.547	242.225.203
Các khoản tương đương tiền	65.338.000.000 (*)	61.500.000.000
Cộng	66.414.332.024	64.222.872.916

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – chi nhánh Quang Trung.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu		
Số lượng	50.162	139.772
Giá trị sổ sách	876.840.600	2.611.354.145
Tăng/(giảm) so với giá thị trường	25.365.600	(333.870.545)
Tổng giá trị theo giá thị trường	902.206.200 (*)	2.277.483.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*) Bao gồm

Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị sổ sách tại 31/12/2013		Giá thị trường tại 31/12/2013		Chênh lệch	
		Giá	Trị giá	Giá	Trị giá	Giá	Trị giá
SSI	50.000	17.500	875.000.000	18.000	900.000.000	(500)	(25.000.000)
ACB	12	16.300	195.600	15.600	187.200	700	8.400
SHB	70	5.900	413.000	6.900	483.000	(1.000)	(70.000)
BCI	80	15.400	1.232.000	19.200	1.536.000	(3.800)	(304.000)
Cộng	50,162		876.840.600		902.206.200		(25.365.600)

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	510.005.806
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	47.648.265
Các khoản phải thu khác	29.664.369	-
Cộng	29.664.369	557.654.071

4.4 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	3.930.853.172	180.572.198	5.400.506.470
Tăng trong năm		80.780.000		80.780.000
Mua sắm		80.780.000		80.780.000
Số dư cuối năm	1.289.081.100	4.011.633.172	180.572.198	5.481.286.470
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.918.717.904	180.572.198	4.099.290.102
Tăng trong năm	214.846.850	14.379.157		229.226.007
Khấu hao	214.846.850	14.379.157		229.226.007
Số dư cuối năm	214.846.850	3.933.097.061	180.572.198	4.328.516.109
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.289.081.100	12.135.268		1.301.216.368
Số dư cuối năm	1.074.234.250	78.536.111		1.152.770.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.5 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Website	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	314.420.000	1.248.936.000	84.200.000	1.647.556.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	314.420.000	1.248.936.000	84.200.000	1.647.556.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	972.700.445	72.973.333	1.045.673.778
Khấu hao trong năm	-	173.606.668	11.226.667	184.833.334
Giảm trong năm	-	173.606.668	11.226.667	184.833.334
Số dư cuối năm	-	1.146.307.113	84.200.000	1.230.507.112
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	314.420.000	276.235.555	11.226.667	601.882.222
Số dư cuối năm	314.420.000	102.628.887	-	417.048.888

4.6 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	-	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	62.593.401	62.593.401
Cộng	182.593.401	182.593.401

4.7 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ thuê văn phòng ở số 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	152.874.000	152.874.000
Cộng	152.874.000	152.874.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.8 Nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	158.000.000 (a)	158.000.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	686.680.860 (b)	55.637.710
Phải trả người lao động	-	2.700.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	242.842.699 (c)	278.117.133
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	50.481.032	42.355.099
Cộng	1.138.004.591	536.809.942

(a) Chủ yếu là phải trả cho ông Phan Thanh Tùng về việc mua quyền sử dụng đất với số tiền là 150.000.000 VND.

(b) Bao gồm

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	158.215.367	-
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	2.282.190	5.879.770
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	526.183.303	49.757.940
Cộng	686.680.860	55.637.710

(c) Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản phải trả cho nhà đầu tư về việc bù trừ giao dịch chứng khoán.

4.9 Vốn chủ sở hữu**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	(68.879.376.421)	71.120.623.579
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm		(2.296.612.005)	(2.296.612.005)
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	(71.175.988.426)	68.824.011.574
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm		(664.760.499)	(664.760.499)
Số dư cuối kỳ	140.000.000.000	(71.840.748.925)	68.159.251.075

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 272/UBCK-GP ngày 04/11/2009, vốn điều lệ của Công ty là 140.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn thực tế đã góp

	31/12/2013	Tỷ lệ	31/12/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	20.250.000.000	14	20.250.000.000	14
Trần Hồng Văn	39.750.000.000	28	39.750.000.000	28
Các cổ đông khác	60.000.000.000	58	60.000.000.000	58
Cộng	140.000.000.000	100	140.000.000.000	100

Cổ phiếu

	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	73.898.305	74.570.214
Doanh thu tư vấn	2.100.000.000	1.200.000.000
Doanh thu tự doanh	708.282.100	771.407.000
Doanh thu khác	85.172.756	158.985.437
Cộng	2.967.353.161	2.204.962.651

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	247.398.722	233.180.309
Chi phí nhân viên	-	271.592.000
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	328.259.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.741.935	430.050.386
Chi phí bằng tiền khác	10.000.000	2.867.063
Cộng	443.140.657	1.265.949.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.113.295.960	1.251.605.033
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.282.923	67.425.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.317.406	16.840.000
Thuế, phí và lệ phí	18.465.039	19.741.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.361.896	643.538.523
Chi phí bằng tiền khác	1.255.311.410	1.238.308.640
Cộng	3.189.034.634	3.237.459.533

5.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(664.760.499)	(2.296.612.005)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập chịu thuế		
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc kỳ tài chính 31/12/2013, số lỗ lũy kế của công ty là (71.840.748.295)VND chiếm 51% vốn điều lệ.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6.2 Các bên liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên bên liên quan

Bà Huỳnh Kim Thông

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT

Số dư với các bên liên quan:

Số cuối năm


VND

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

6.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc kỳ tài chính.


Nguyễn Phúc Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Phúc Nguyễn
Kế toán trưởng



Huỳnh Kim Thông
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 03 tháng 03 năm 2014